

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2024/HN-ST

Ngày: 16/5/2024.

V/v: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Châu Văn Bảy

2. Bà Mai Thị Nhắc

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Ngày 16 tháng 05 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 95/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 03 năm 2024 về việc: “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 166/2024/QĐXX-ST ngày 24 tháng 04 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 167/2024/QĐST-HN ngày 08/05/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Phan Thị H**, sinh năm 1977; (Có mặt)

Địa chỉ: **ấp A, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre.**

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Đức C**, sinh năm 1969; (Vắng mặt)

Địa chỉ: **ấp A, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà **Phan Thị H** trình bày:*

Về hôn nhân: Bà và ông **C** do mai mối tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã A, huyện M**. Sau khi kết hôn vợ chồng đi làm ở Thành phố Hồ Chí Minh khoảng 06-07 năm thì về thuê nhà sống tại **thành phố B**.

Thời gian đầu thì vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông **C** thường xuyên nhậu nhẹt, khi nhậu về đập phá đồ đạc trong nhà, có đánh bà vài lần, ông **C** không phụ lo kinh tế gia đình bà đã khuyên

ông nhiều lần nhưng ông không thay đổi làm cho mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vợ chồng ly thân đã hơn 10 năm. Trong thời gian ly thân vợ chồng đã nhiều lần trao đổi, hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể hàn gắn với nhau nên bà xin ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung là **Nguyễn Thị Búp P**, sinh ngày 14/01/2001 và **Nguyễn Đức T**, sinh ngày 03/03/2003 hai con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông **Nguyễn Đức C** đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện và yêu cầu của bà **Phan Thị H**, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là “Ly hôn” vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với bị đơn ông **Nguyễn Đức C** đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông **C**.

[2]. Về nội dung:

2.1. Về hôn nhân:

Hôn nhân của bà **Phan Thị H** và ông **Nguyễn Đức C** là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện M, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Bà **H** yêu cầu được ly hôn với ông **C**. Bà cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân ông **C** thường xuyên nhậu nhẹt, khi nhậu về đập phá đồ đạc trong nhà, có đánh bà vài lần, ông **C** không phụ lo kinh tế gia đình bà đã khuyên ông nhiều lần nhưng ông không thay đổi làm cho mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vợ chồng ly thân đã hơn 10 năm. Trong thời gian ly thân vợ chồng đã nhiều lần trao đổi, hàn gắn tình cảm nhưng không thành.

Thấy rằng mục đích hôn nhân là để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; trong quá trình sống chung vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà **H** và ông **C** là có thật, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau về việc ông **C** không chăm lo làm ăn, thường xuyên nhậu nhẹt, khi nhậu có đập phá đồ đạc trong nhà và có hành vi bạo lực gia đình với bà **H** làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Ông, bà đã có thời gian ly thân hơn

mười năm giữa vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, yêu thương lẫn nhau. Tòa án đã triệu tập ông C nhiều lần đến Tòa để hòa giải với bà H nhưng ông C không đến và cũng không có ý kiến trình bày, điều đó chứng minh ông C cũng không có thiện chí đoàn tụ. Xét mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân đã không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H đối với ông C là đúng theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.2. Về con chung: Trong thời gian chung sống có 02 con chung là Nguyễn Thị Búp P, sinh ngày 14/01/2001 và Nguyễn Đức T, sinh ngày 03/03/2003 hai con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

2.3 Về tài sản chung của vợ chồng: Bà H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết và ông C không có lời trình bày nên không xem xét, giải quyết.

2.4. Về nợ chung của vợ chồng: Bà H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết và ông C không có lời trình bày nên không xem xét, giải quyết.

3. Án phí dân sự không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng, bà H phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phan Thị H.

Cụ thể tuyên:

1. Bà Phan Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Đức C.

2. Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Thị Búp P, sinh ngày 14/01/2001 và Nguyễn Đức T, sinh ngày 03/03/2003 hai con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Bà Phan Thị H trình bày không có và ông Nguyễn Đức C không có lời trình bày nên không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Bà Phan Thị H trình bày không có và ông Nguyễn Đức C không có lời trình bày nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí dân sự không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà Phan Thị H phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003928 ngày 14 tháng 03 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre là đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận

thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án hoặc nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Cơ quan ĐKKH;
- Lưu (Hs,Vp).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Ngọc Yến